

ĐẶC ĐIỂM LÂM SÀNG, HÌNH ẢNH NỘI SOI, VÀ SO SÁNH KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ CÁC THUỐC ESOMEPRAZOL 40MG HOẶC PANTOPRAZOL 40MG Ở BỆNH NHÂN TRÀO NGƯỢC DẠ DÀY THỰC QUẢN TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN GIỒNG RIỀNG TỈNH KIÊN GIANG NĂM 2022-2023

Nguyễn Trường Phát^{1*}, Kha Hữu Nhân²

1. Trung tâm Y tế huyện Hòn Đất tỉnh Kiên Giang

2. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

*Email: ntphattythondatkg@gmail.com

Ngày nhận bài: 08/6/2023

Ngày phản biện: 26/10/2023

Ngày duyệt đăng: 03/11/2023

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Trào ngược dạ dày thực quản là bệnh lý về đường tiêu hóa phổ biến nhất trên toàn thế giới và là nguyên nhân đóng góp cao gây ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống. **Mục tiêu nghiên cứu:** 1) Mô tả đặc điểm lâm sàng, hình ảnh nội soi trào ngược dạ dày thực quản; 2) So sánh kết quả điều trị bệnh trào ngược dạ dày thực quản bằng thuốc esomeprazole 40mg hoặc pantoprazole 40mg. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu tiến cứu có can thiệp điều trị trên 80 bệnh nhân điều trị trào ngược dạ dày thực quản ngoại trú. **Kết quả:** Có 51,0% là nữ giới, độ tuổi trung bình $50,8 \pm 15,1$. Dân tộc Kinh chiếm 93,75%, lao động chân tay chiếm 83,75%. Triệu chứng: nóng rát sau xương ức (60,0%), trớ (82,5%), đau bụng (81,25%), buồn nôn (46,25%), nuốt đau (30%). Tổn thương thực quản qua nội soi: LA-A (97,5%), LA-B (2,5%). Kết quả điều trị: Còn triệu chứng nóng rát sau xương ức và trớ ở nhóm dùng esomeprazol lần lượt là 10,0% và 12,5%, nhóm dùng pantoprazol lần lượt là 17,5% và 22,5% với $p=0,052$. Điểm trung bình GERDQ ở nhóm dùng esomeprazol $5,525 \pm 1,01$ và ở nhóm dùng pantoprazol là $6,0 \pm 1,01$ với $p=0,252$. Tỷ lệ lành thực quản ở nhóm dùng esomeprazol chiếm 87,5%, nhóm dùng Pantoprazol là 80,0%, với $p=0,370$. **Kết luận:** Tỷ lệ điều trị GERD thành công ở nhóm dùng thuốc esomeprazol 40mg là 87,5%, nhóm dùng thuốc pantoprazol 40mg 80,0%, sự khác biệt giữa 2 nhóm không có ý nghĩa thống kê.

Từ khóa: Đặc điểm lâm sàng, hình ảnh nội soi, kết quả điều trị.

ABSTRACT

CLINICAL CHARACTERISTICS, ENDOSCOPIC IMAGES AND COMPARISONS THE TREATMENT RESULTS OF ESOMEPRAZOL 40MG OR PANTOPRAZOL 40MG IN PATIENTS WITH GASTROESOPHAGEAL REFLUX DISEASE AT GIONG RIENG DISTRICT MEDICAL CENTER, KIEN GIANG PROVINCE IN 2022-2023

Nguyen Truong Phat^{1*}, Kha Huu Nhan²

1. Hon Dat District Medical Center, Kien Giang Province

2. Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: Gastroesophageal reflux disease is the most common gastrointestinal disease worldwide and a high contributing cause affecting quality of life. **Objectives:** 1) To describe clinical features, endoscopic images of Gastroesophageal; 2) To compare the treatment results of patients with gastroesophageal reflux disease by Esomeprazole 40mg or Pantoprazole 40mg. **Material and methods:** A prospective study with therapeutic intervention was conducted on 80 outpatients with gastroesophageal reflux disease. **Results:** There was 51.0% female, average age 50.8 ± 15.1 . Kinh people accounted for 93.75%, manual workers accounted for

83.75%. Symptoms: Heartburn (60.0%), vomiting (82.5%), abdominal pain (81.25%), nausea (46.25%), difficulty swallowing (30%), non-cardiac chest pain 28,75%, persistent cough 25,0%, hoarseness 5,0% . Injury to the esophagus through endoscopy: LA-A (97.5%), LA-B (2.5%). Treatment results: The symptoms of burning behind the sternum and spitting up in the esomeprazole group were 10.0% and 12.5%, respectively, and the pantoprazol group was 17.5% and 22.5, respectively, with $p=0.052$. The mean GERDQ score in the esomeprazole group was 5.525 ± 1.01 and in the pantoprazole group was 6.0 ± 1.01 with $p=0.252$. Esophageal healing rate in the esomeprazole group accounted for 87.5%, the pantoprazol group was 80.0%, with $p=0.370$. **Conclusion:** The successful rate of GERD treatment in the esomeprazole 40mg group was 87.5%, the pantoprazole 40mg group was 80.0%, the difference between the two groups was not statistically significant.

Keywords: Clinical characteristics, endoscopic images, treatment results.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trào ngược dạ dày thực quản là tình trạng các chất chứa trong dạ dày trào ngược lên thực quản qua lỗ tâm vị do sự co giãn thoáng qua của cơ thắt thực quản dưới. Đây là hiện tượng sinh lý, thường xảy ra ban đêm, tần suất thấp không gây ra triệu chứng gì và cũng không gây viêm thực quản. Trào ngược trở thành bệnh lý khi đợt co giãn của cơ thắt thực quản dưới kéo dài, thường xuyên hơn gây nên những triệu chứng khó chịu hoặc những biến chứng ở thực quản [1].

Tỷ lệ lưu hành trào ngược dạ dày thực quản trên thế giới được báo cáo trong phân tích tổng hợp được công bố gần đây của 96 nghiên cứu từ 37 quốc gia là 13,98% [2]. Riêng ở châu Á (12,92%), trong khi ở châu Á tỷ lệ này cũng khác nhau, cao nhất ở Iran (18,43%) và thấp nhất ở Trung Quốc (4,16%) [2]. Ở châu Á trong vài năm qua có sự gia tăng về tần suất mắc bệnh trào ngược dạ dày thực quản [3]. Ở Việt Nam, tỉ lệ viêm thực quản ở bệnh nhân có hội chứng trào ngược thực quản là 79,2% [3]. Nội soi thực quản dạ dày là phương pháp được lựa chọn đầu tiên để đánh giá trực tiếp hình ảnh tổn thương ở đoạn nối thực quản dạ dày, kết hợp với các triệu chứng lâm sàng có thể chẩn đoán chắc chắn bệnh trào ngược dạ dày thực quản. Trong đó nhóm thuốc ức chế bơm proton đã được các thầy thuốc lựa chọn điều trị với các lợi ích như: giúp giải quyết hết các triệu chứng khó chịu của bệnh trào ngược dạ dày thực quản, cải thiện chất lượng cuộc sống và phòng các biến chứng của bệnh trào ngược dạ dày thực quản cho bệnh nhân [4]. Đó cũng là lý do nghiên cứu “Đặc điểm lâm sàng, hình ảnh nội soi, và so sánh kết quả điều trị các thuốc esomeprazole hoặc pantoprazole ở bệnh nhân trào ngược dạ dày thực quản tại Trung tâm y tế huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang năm 2022-2023” được thực hiện với mục tiêu: (1) Mô tả đặc điểm lâm sàng, hình ảnh nội soi trào ngược dạ dày thực quản: (2) So sánh kết quả điều trị bệnh trào ngược dạ dày thực quản bằng thuốc esomeprazole 40mg hoặc pantoprazole 40mg.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Bệnh nhân ngoại trú đến khám bệnh và được chỉ định nội soi đường tiêu hóa trên.

- **Tiêu chuẩn lựa chọn mẫu:** Bệnh nhân ≥ 18 tuổi có triệu chứng đường tiêu hóa trên (nóng rát sau xương ức, trớ, đau ngực không do tim, buồn nôn, nôn, nuốt khó, khàn tiếng, ho dai dẳng), Hình ảnh nội soi thực quản: có viêm thực quản phân loại theo Los Angeles, có hoặc không có kèm theo tổn thương dạ dày.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Những bệnh nhân nào có một trong các triệu chứng sau sẽ không được nhận vào nghiên cứu; Có tiền sử phẫu thuật dạ dày hoặc thực quản, bệnh nhân có giãn tĩnh mạch thực quản, u dạ dày, u thực quản, barrett thực quản, hẹp môn vị, tắc ruột, Xét nghiệm *H.pylori* dương tính, đang xuất huyết tiêu hóa trên, đang mắc các bệnh cấp tính (đợt cấp bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính, hen phế quản), bệnh nhân không đồng ý tham gia nghiên cứu hoặc bị khuyết tật, tâm thần, thiếu năng trí tuệ.

- **Địa điểm và thời gian nghiên cứu:** Địa điểm nghiên cứu được triển khai tại phòng khám nội, Trung tâm y tế huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang. Thời gian nghiên cứu: 01/08/2022 – 01/05/2023.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu tiến cứu có can thiệp điều trị và theo dõi dọc với 2 nhóm song song.

- **Cỡ mẫu:** Áp dụng công thức ước lượng một tỉ lệ

$$n = \frac{Z_{1-\frac{\alpha}{2}}^2 P(1 - P)}{d^2}$$

Trong đó

+ n: là cỡ mẫu tối thiểu.

+ α : Mức ý nghĩa thống kê là 0,05.

+ d: sai số tương đối cho phép 0.08

+ $Z_{1-\alpha/2}$: Là hệ số tin cậy, chọn hệ số tin cậy là 95% $\rightarrow Z_{1-\alpha/2} = 1,96$

+ p = 84,2 %; là tỉ lệ lành tổn thương viêm thực quản ở bệnh nhân trào ngược dạ dày thực quản trong nghiên cứu của tác giả Trần Văn Thanh [5].

n = 79,8, thực tế mẫu trong nghiên cứu của chúng tôi là 80 mẫu.

- **Phương pháp chọn mẫu:** Chọn mẫu thuận tiện

- **Nội dung nghiên cứu:** Mô tả đặc điểm lâm sàng, hình ảnh nội soi và so sánh kết quả điều trị bằng thuốc esomeprazol hoặc pantoprazol ở bệnh nhân trào ngược dạ dày thực quản.

- **Phương pháp thu thập mẫu:** Khám lâm sàng ghi nhận hình ảnh nội soi và so sánh kết quả điều trị bằng thuốc esomeprazol 40mg/ngày hoặc thuốc pantoprazol 40mg/ngày sau 8 tuần điều trị. Phân loại tổn thương thực quản theo phân loại Los Angeles (phân loại này được sử dụng rộng rãi trên thế giới)

+ Độ A: có một hoặc nhiều tổn thương kéo dài quá 5mm, không kéo dài qua hai đỉnh của 2 nếp niêm mạc.

+ Độ B: có một hoặc nhiều tổn thương không kéo dài quá 5mm, không kéo dài qua hai đỉnh của 2 nếp niêm mạc.

+ Độ C: có một hoặc nhiều tổn thương niêm mạc nối liền giữa hai đỉnh của 2 hay nhiều nếp niêm mạc nhưng không xâm phạm quá 75% chu vi ống thực quản.

+ Độ D: có một hoặc nhiều tổn thương niêm mạc xâm phạm quá 75% chu vi ống thực quản.

- **Kết quả sau 8 tuần điều trị:**

+ Hết triệu chứng lâm sàng sau 8 tuần điều trị giữa hai thuốc esomeprazol 40mg/ngày hoặc pantoprazol 40mg/ngày.

+ Lành tổn thương thực quản trên hình ảnh nội soi sau 8 tuần điều trị giữa hai thuốc esomeprazol 40mg/ ngày hoặc pantoprazol 40mg/ngày.

- Phương pháp xử lý số liệu: Phần mềm SPSS 20.0

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm chung	Tần số (n = 80)	Tỉ lệ (%)
Gới tính: Nam	39	49,0
Nữ	41	51,0
Tuổi : ≤ 39 tuổi	16	20,0
40-59 tuổi	42	52,0
≥ 60 tuổi	22	28,0
Độ tuổi trung bình: 50,8 ± 15,1		
Dân tộc: Kinh	75	93,75
Khác	5	6,25
Nơi cư trú: Thành thị	8	10,0
Nông thôn	72	90,0

Nhận xét: Có 51,0% là nữ giới cao hơn so với 49,0% nam giới. Độ tuổi trung bình là 50,8 ± 15,1, dân tộc kinh chiếm 93,75%, có 90,0% người ở nông thôn.

3.2. Triệu chứng lâm sàng và hình ảnh nội soi bệnh trào ngược dạ dày thực quản

Bảng 2. Triệu chứng lâm sàng của đối tượng nghiên cứu

Triệu chứng lâm sàng	Tần số (n=80)	Tỉ lệ (%)
Nóng rát sau xương ức	48	60,0
Trớ	66	82,50
Đau vùng thượng vị	65	81,25
Buồn nôn, nôn	37	46,25
Nuốt đau	24	30,0
Đau ngực không do tim	23	28,75
Ho dai dẳng	20	25,0
Khàn tiếng	4	5,0

Nhận xét: Bệnh nhân trào ngược dạ dày thực quản có triệu chứng nóng rát sau xương ức 60,0%, trớ 82,5%, đau thượng vị 81,25%, buồn nôn 46,25%, nuốt đau 30,0%, đau ngực không do tim 28,75%, ho dai dẳng 25,0%, khàn tiếng 5,0%.

Bảng 3. Đánh giá theo thang điểm GERD Q và điểm tác động của đối tượng nghiên cứu

Điểm GERD Q	Tần số (n = 80)	Tỉ lệ (%)
≤ 2	2	2,50
3-7	40	50,0
8-10	27	33,75
≥ 11	11	13,75

Nhận xét: Bệnh nhân có triệu chứng trào ngược dạ dày thực quản từ 3-7 điểm chiếm tỉ lệ cao nhất 50%, 8-10 điểm 33,75%, ≥ 11 điểm 13,75%, ≤ 2 điểm 2,5%.

Bảng 4. Phân loại tổn thương thực quản qua nội soi

Phân loại tổn thương thực quản theo Los Angeles	Tần số (n = 80)	Tỉ lệ (%)
A	78	97,50
B	2	2,50

Nhận xét: Bệnh nhân có tổn thương thực quản mức độ A qua nội soi chiếm 97,5%, chỉ có 2,5% tổn thương thực quản mức độ B.

3.3. So sánh kết quả điều trị bệnh trào ngược dạ dày thực quản của thuốc esomeprazol 40mg hoặc pantoprazol 40mg

Bảng 5. Triệu chứng lâm sàng sau điều trị

Triệu chứng lâm sàng	Esomeprazol 40mg (n=40)	Pantoprazol 40mg (n=40)	p
Triệu chứng nóng rát sau xương ức	4 (10%)	7 (17,5%)	0,052
Trớ	5 (12,5%)	9 (22,5%)	0,245

Nhận xét: Sau điều trị thì bệnh nhân còn triệu chứng nóng rát sau xương ức và trớ ở nhóm dùng thuốc esomeprazol chiếm tỉ lệ lần lượt là 10% và 12,5% còn ở nhóm dùng thuốc pantoprazol thì triệu chứng nóng rát sau xương ức và trớ chiếm tỉ lệ lần lượt 17,5% và 22,5%. sự khác biệt giữa 2 nhóm không có ý nghĩa thống kê $p > 0.05$.

Bảng 6. Tỉ lệ lành thực quản sau điều trị

Kết quả nội soi sau điều trị 8 tuần	Esomeprazol 40mg (n=40)	Pantoprazol 40mg (n=40)	p
Lành thực quản	35 (87,5%)	32 (80%)	0,370
Độ A	5 (12,5%)	8 (20%)	

Nhận xét: Tỉ lệ lành thực quản ở nhóm dùng thuốc esomeprazol cao hơn ở nhóm dùng thuốc pantoprazol với tỉ lệ lần lượt là 87,5% và 80%. Tuy nhiên, sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê ở hai nhóm với $p = 0,370$.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu có 51% là nữ giới cao hơn nam giới 49%. Độ tuổi trung bình là $50,8 \pm 15,1$ tuổi, độ tuổi của chúng tôi cao hơn Triệu Thị Bích Hợp là $44,02 \pm 13,4$ tuổi [6]. Dân tộc kinh chiếm 93,75%, nghề nghiệp lao động chân tay chiếm 58,6%, có 90% người ở nông thôn. Nghiên cứu của chúng tôi cũng tương tự tác giả Nguyễn Thị Ánh Nguyệt [7].

4.2. Triệu chứng lâm sàng và hình ảnh nội soi bệnh trào ngược dạ dày thực quản

Triệu chứng lâm sàng trớ chiếm tỉ lệ rất cao 82,5%, nóng rát sau xương ức là 60%, đau thượng vị 81,25%, buồn nôn, nôn 46,25%, nuốt đau 30%, đau ngực không do tim 28,75%, ho dai dẳng 25,0%, khàn tiếng 5,0%. Nghiên cứu của chúng tôi tương đương Bồ Kim Phương [8].

Tổng điểm GERD Q ở bệnh nhân có triệu chứng trào ngược dạ dày thực quản từ 3-7 điểm chiếm tỉ lệ cao nhất 50,0%, 8-10 điểm 33,75%, ≥ 11 điểm 13,75%, ≤ 2 điểm 2,5%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng tương tự như Bồ Kim Phương [8]. Đa số bệnh nhân có tổn thương thực quản mức độ A qua nội soi với tỉ lệ là 97,5% chỉ có 2,5% mức độ B, mức độ tổn thương thực quản của chúng tôi tương tự Mai Hồng Bằng ghi mức độ A 98,8%, mức độ B 1,2% [9].

4.3. So sánh kết quả điều trị bệnh trào ngược dạ dày thực quản của thuốc esomeprazol 40mg hoặc pantoprazol 40mg

Sau điều trị các còn triệu chứng nóng rát sau xương ức ở nhóm esomeprazol và nhóm pantoprazol với tỉ lệ lần lượt là 10,0% và 17,5%, sự khác biệt giữa 2 nhóm không có ý nghĩa thống kê với $p=0,052$. Còn triệu chứng trớ ở 2 nhóm với tỉ lệ lần lượt là 12,5% và 22,5% sự khác biệt giữa 2 nhóm với $p=0,245$. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương đương với tác giả Lê Thoại Dung, hết triệu chứng nóng rát 87,8%, trớ 83,9% [10].

Sau điều trị chung tôi ghi nhận bệnh nhân có hình ảnh lành thực quản ở nhóm dùng esomeprazol là 87,5% và nhóm dùng pantoprazol là 80,0% sự khác biệt giữa 2 nhóm không có ý nghĩa thống kê với $p=0,370$. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi thì tỉ lệ lành thực quản cao hơn tác giả Lê Thoại Dung 77,2% bệnh nhân có hình ảnh lành thực quản, 22,2% có tổn thương mức độ A [10].

V. KẾT LUẬN

Tuổi trung bình trong nghiên cứu của chúng tôi là $50,8 \pm 15,1$ tuổi. Tỉ lệ nữ cao hơn nam (Nữ 51,0%, Nam 49,0%). Triệu chứng trớ chiếm tỉ lệ cao nhất (82,5%), đau thượng vị 81,25%, nóng rát sau xương ức (60,0%), buồn nôn 46,25%, nuốt đau 30,0%, đau ngực không do tim 28,75%, ho dai dẳng 25,0%, khàn tiếng 5,0%. Điểm GERD Q từ 3-7 điểm của bệnh nhân khi vào viện chiếm tỉ lệ cao nhất (50,0%). Kết quả lành tổn thương thực quản sau điều trị 8 tuần bằng thuốc esomeprazol 40mg/ngày chiếm tỉ lệ (87,5%) cao hơn nhóm dùng thuốc pantoprazol 40mg/ngày chiếm tỉ lệ (80,0%). Trong điều trị trào ngược dạ dày thực quản dùng thuốc esomeprazol 40mg/ngày/lần/8 tuần hoặc thuốc pantoprazol 40mg/ngày/lần/8 tuần sử dụng loại nào cũng được.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Quang Cử. Bệnh các cơ quan tiêu hóa. Nhà xuất bản Y học, 2020. 17-31.
2. Da Silva E.D, Nader, et al. Clinical and endoscopy evaluation of gastroesophageal reflux disease in patients successfully treated with esomeprazole. *Arq Gastroenterol*, 2004. 40 (4), 262-267. Doi: 10.1590/s0004-28032003000400012.
3. El-Serg H.B, Winchester C.C, et al. Update on the epidemiology of gastro-oesophageal reflux disease: a systematic review, *Gut*, 2014. 63 (6), 871-88. Doi: 10.1136/gutjnl-2012-304269.
4. Dent J, Jones R, et al. Development of the GERDQ, a tool for the diagnosis and management of gastro-oesophageal reflux disease in primary care, *Aliment Pharmacol Ther*, 2009. 30 (10), 1030-1038. Doi: 10.1111/j.1365-2036.2009.04142.x
5. Trần Văn Thanh, Mai Thanh Bình. Đánh giá hiệu quả điều trị dexlansoprazole 60mg trên bệnh nhân trào ngược dạ dày thực quản, *Tạp chí Y Dược lâm sàng* 108, 2021, 16, 8-14.
6. Triệu Thị Bích Hợp, Nguyễn Đức Vương. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, nội soi và các yếu tố nguy cơ bệnh trào ngược dạ dày thực quản ở bệnh nhân ngoại trú tại Bệnh viện Thiện Hạnh, tỉnh Đắk Lắk, *Tạp chí y học lâm sàng*, 2022. 1, 204-210.
7. Nguyễn Thị Ánh Nguyệt. Nghiên cứu về đặc điểm lâm sàng, hình ảnh nội soi và đánh giá kết quả điều trị bằng esomeprazole ở bệnh nhân viêm thực quản do trào ngược tại Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ năm 2014 – 2015, Luận văn Thạc sĩ Y học, Đại học Y Dược cần Thơ, Cần Thơ. 2015.
8. Bò Kim Phương. Nghiên cứu ứng dụng bảng GERD Q trong chẩn đoán và theo dõi đáp ứng điều trị bệnh trào ngược dạ dày - thực quản, *Tạp chí Y học Thành Phố Hồ Chí Minh*, 2012. Tập 16, 44-48.

9. Mai Hồng Bằng, Vũ Văn Khiêm. Đặc điểm lâm sàng, hình ảnh nội soi của bệnh nhân trào ngược dạ dày thực quản, *Tạp chí Y học thực hành*, 2018. *tập 542*, 33 – 35.
 10. Lê Thoại Dung. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, hình ảnh nội soi và đánh giá kết quả điều trị bệnh trào ngược dạ dày thực quản bằng thuốc esomeprazole tại Bệnh viện đa khoa Thành phố Cần Thơ. Luận văn chuyên khoa cấp II, Trường Đại học Y-Dược Cần Thơ. 2019.
-